

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/NGHỀ: KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 5340101

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP (hệ tốt nghiệp THCS)

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 299/QĐ-KTKT, ngày 15 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ*

NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Kinh doanh thương mại và dịch vụ

Mã ngành, nghề: 5340101

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp THCS hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 2,5 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại và dịch vụ hệ trung cấp được thiết kế nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ sở và chuyên ngành về hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ. Người học có đủ năng lực khai thác nhu cầu của khách hàng, thực hiện nghiệp vụ mua và bán hàng, thực hiện một số hoạt động dịch vụ, chăm sóc khách hàng trong kinh doanh thương mại, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đồng thời có khả năng học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình khung trung cấp ngành Kinh doanh thương mại và dịch vụ được thiết kế để đào tạo tác nghiệp viên Kinh doanh thương mại và dịch vụ trình độ Trung cấp, có sức khỏe tốt, đạo đức, tác phong làm việc nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc. Về năng lực chuyên môn, người học có đủ kiến thức và kỹ năng để làm việc hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ hoặc tự tạo việc làm cho bản thân. Đồng thời, người học có năng lực tự học, tự nghiên cứu tiếp thu các kiến thức mới hoặc học liên thông lên các bậc học cao hơn để đáp ứng yêu cầu phát triển của bản thân và xã hội.

Sau khi tốt nghiệp, người học được cấp bằng Trung cấp nghề, có khả năng thực hiện tốt các công việc của nhân viên trong lĩnh vực kinh doanh thương mại dịch vụ như xúc tiến bán hàng, tư vấn và chăm sóc khách hàng, thu mua, quản lý kho,... của các loại hình doanh nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế; đồng thời có khả năng tự tạo việc làm.

2.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Sau khi học xong, người học có khả năng:

- Nắm được những nội dung cơ bản về pháp luật, kinh tế, kinh doanh, tin học, ngoại ngữ;

- Cung cấp được những thông tin về hoạt động kinh doanh phục vụ cho yêu cầu của lãnh đạo và quản lý ở doanh nghiệp;

- Mô tả được những nghiệp vụ cơ bản trong các lĩnh vực: mua, dự trữ, bán hàng và chăm sóc khách hàng, Marketing,...

- Trình bày được nguyên tắc và phương pháp xử lý các tình huống có thể xảy ra trong quá trình kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện được các công tác tìm hiểu và khai thác nhu cầu khách hàng;

- Thực hiện thành thạo nghiệp vụ bán hàng;

- Thực hiện được các công việc tạo nguồn hàng, mua hàng, giao nhận và bảo quản hàng hóa;

- Xác định được nhu cầu mua hàng, dự trữ hàng hóa, hàng tồn kho thực tế trong doanh nghiệp thương mại;

- Thực hiện được một số hoạt động dịch vụ, chăm sóc khách hàng trong kinh doanh thương mại và dịch vụ;

- Thực hiện được các giao dịch thương mại điện tử trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp;

- Giao tiếp tốt và xử lý được các tình huống thường gặp trong quá trình kinh doanh;

- Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

- Tự học tập để bổ sung kiến thức, nghiên cứu nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh thực tế.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có lòng yêu nghề và say mê công việc;

- Có thái độ hợp tác tốt với đồng nghiệp;

- Tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

- Trung thực và có tính kỷ luật cao;

- Sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp hệ trung cấp nghề Kinh doanh thương mại và dịch vụ, học sinh có thể:

- Làm việc tại một số phòng ban của các doanh nghiệp kinh doanh thương mại có quy mô vừa và nhỏ, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội;

- Làm nhân viên phụ trách Marketing, nhân viên bán hàng và quản lý khách hàng, nhân viên kinh doanh và nhân viên tiếp thị;

- Khởi nghiệp doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Bên cạnh đó, học sinh tốt nghiệp ra trường một thời gian theo quy định có thể liên thông lên bậc cao hơn thuộc ngành Kinh doanh thương mại.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1.365/55 (giờ/tín chỉ) không kể các môn học văn hóa và môn công tác xã hội)

- Số lượng môn học: 26 môn học

- Khối lượng học tập các môn học chung: 255/11 (giờ/tín chỉ)

- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1.110/44 (giờ/tín chỉ)

- Khối lượng lý thuyết: 467 (giờ); thực hành, thực tập: 898 (giờ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản (Bậc 1 theo KNLNNVN, tương đương CEFR A1)
2	NLCB-02	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Xác nhận trình độ kỹ năng, sử dụng hiệu quả Windows, Word, Excel, PowerPoint, Internet
3	NLCB-03	Năng lực hiểu biết về chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách nhà nước
4	NLCB-04	Năng lực hiểu biết về Nhà nước và pháp luật. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn
5	NLCB-05	Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh của nhà nước Việt Nam, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
6	NLCB-06	Đảm bảo khả năng đáp ứng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp
7	NLCB-07	Tư duy năng suất chất lượng và ứng dụng công nghệ số
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	

1	NLCL-01	Đảm bảo các kiến thức, kỹ năng mềm và nghề nghiệp giúp phát triển bản thân, tham gia hội nhập, khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp
2	NLCL-02	Hoàn thiện được các yếu tố về môi trường vi mô, môi trường vĩ mô trong kinh doanh thương mại
3	NLCL-03	Thông kê, tính toán, phân tích định tính và định lượng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại
4	NLCL-04	Năng lực giao tiếp trong đàm phán ký kết các hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước với thái độ tự tin và quyết đoán
5	NLCL-05	Phối hợp hiệu quả với các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp thương mại bao gồm nhân sự, tài chính, Marketing, cung ứng
6	NLCL-06	Thực hiện nghiệp vụ kinh doanh thương mại, bán hàng, dịch vụ của các doanh nghiệp thương mại
7	NLCL-07	Thực hiện tổ chức các hoạt động Marketing thương mại, chăm sóc khách hàng trong các doanh nghiệp thương mại
8	NLCL-08	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu thị trường, giao tiếp trong kinh doanh, tổ chức kinh doanh hàng hoá trong hoạt động thương mại ở các doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập quốc tế
III	Năng lực nâng cao	
1	NLNC-01	Tự lập kế hoạch phát triển ý tưởng kinh doanh ở các lĩnh vực khác nhau
2	NLNC-02	Xây dựng được một kế hoạch bán hàng, quy trình bán hàng hoàn chỉnh
3	NLNC-03	Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, nghiên cứu thị trường và đề xuất các chính sách Marketing trong doanh nghiệp thương mại
4	NLNC-04	Thực thi các chính sách thương mại: đàm phán, mua bán, dự trữ, chăm sóc khách hàng
5	NLNC-05	Duy trì, và phát triển mối quan hệ với khách hàng
6	NLNC-06	Duy trì, và phát triển các dịch vụ của doanh nghiệp thương mại
7	NLNC-07	Vận dụng công nghệ thông tin vào việc xây dựng hệ thống thông tin trong doanh nghiệp thương mại và phát triển thương mại điện tử
8	NLNC-08	Thực hành kỹ năng giao tiếp tiếng anh thương mại, giao tiếp trong kinh doanh thương mại
IV.	Năng lực hỗ trợ	
1	NLNC-01	Có kỹ năng lập kế hoạch và tiến hành công việc; kỹ năng quản lý công việc; kỹ năng quản lý tài chính cá nhân;
2	NLNC-02	Có kỹ năng giảm sự lo lắng và căng thẳng trong công việc; kỹ năng linh hoạt, thích nghi với sự thay đổi.
3	NLNC-03	Có kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng ra quyết định; kỹ năng sáng tạo; kỹ năng khởi nghiệp;

6. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
TMC304	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
TCM302	Pháp luật	1	15	9	5	1
TCM406	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
TMC305	Giáo dục Quốc phòng và AN	2	45	21	21	3
TMC301	Tin học	2	45	15	29	1
TMC107	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II	Các môn học chuyên môn					
II.1	Môn học cơ sở	10	195	95	90	10
TNH301	Kinh tế vi mô	2	45	13	30	2
TTM201	Lý thuyết thống kê	2	45	13	30	2
TTM302	Marketing căn bản	2	30	28	0	2
TTM303	Quản lý thương mại đại cương	2	45	13	30	2
TTM305	Quản trị học	2	30	28	0	2
II.2	Môn học chuyên môn	32	885	203	660	22
TTM410	Tổng quan kinh doanh thương mại	3	45	42	0	3
TTM411	Nghiệp vụ kinh doanh thương mại	2	45	13	30	2
TTM407	Anh văn thương mại	2	45	13	30	2
TTM409	Chăm sóc khách hàng	2	45	13	30	2
TTM502	Kỹ năng bán hàng	2	45	13	30	2
TTM414	Kinh doanh quốc tế	2	45	13	30	2
TTM415	Thương mại điện tử	2	45	13	30	2
TTM503	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2	45	13	30	2
TTM507	Marketing thương mại	3	45	42	0	3
TTM304	Quản trị dịch vụ	2	30	28	0	2
TTM413	Thực tập doanh nghiệp/ Rèn nghề 1	3	135	0	135	0
TTM508	Thực tập doanh nghiệp/ Rèn nghề 2	2	90	0	90	0
TKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
TXH101	Công tác xã hội	1	45	0	45	0
II.3	Môn học tự chọn, nâng cao	2	30	28	0	2
TTM504	Soạn thảo thư tín thương mại	2	30	28	0	2
TTM501	Khoa học hàng hóa	2	30	28	0	2
Tổng cộng:		55	1365	420	898	47

7. Kế hoạch giảng dạy:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Các môn bắt buộc	5	135	43	85	7
1	TCM406	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
2	TCM302	Pháp luật	1	15	9	5	1
3	TMC109	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
4	TXIII101	Công tác xã hội	1	45	0	45	0
		Tổng cộng	5	135	43	85	7

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Các môn bắt buộc	8	165	64	93	8
1	TMC304	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
2	TMC305	Giáo dục Quốc phòng và AN	2	45	21	21	3
3	TMC301	Tin học	2	45	15	29	1
4	TTM201	Lý thuyết thống kê	2	45	13	30	2
		Tổng cộng	8	165	64	93	8

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	8	150	82	60	8
1	TNH301	Kinh tế vi mô	2	45	13	30	2
2	TTM302	Marketing căn bản	2	30	28	0	2
3	TTM303	Quản lý thương mại đại cương	2	45	13	30	2
4	TTM305	Quản trị học	2	30	28	0	2
		Tổng cộng	8	150	82	60	8

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
I		Các môn bắt buộc	18	450	120	315	15
1	TTM410	Tổng quan kinh doanh thương mại	3	45	42	0	3

2	TTM411	Nghiệp vụ kinh doanh thương mại	2	45	13	30	2
3	TTM407	Ảnh văn thương mại	2	45	13	30	2
4	TTM409	Chăm sóc khách hàng	2	45	13	30	2
5	TTM502	Kỹ năng bán hàng	2	45	13	30	2
6	TTM414	Kinh doanh quốc tế	2	45	13	30	2
7	TTM415	Thương mại điện tử	2	45	13	30	2
8	TTM413	Thực tập doanh nghiệp/ Rèn nghề 1	3	135	0	135	0
II		Môn tự chọn	2	30	28	0	2
1	TTM504	Soạn thảo thư tín thương mại	2	30	28	0	2
2	TTM501	Khoa học hàng hóa	2	30	28	0	2
		Tổng cộng	20	480	148	315	17

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
I		Môn học bắt buộc	14	435	83	345	7
1	TTM503	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2	45	13	30	2
2	TTM507	Marketing thương mại	3	45	42	0	3
3	TTM304	Quản trị dịch vụ	2	30	28	0	2
4	TTM508	Thực tập doanh nghiệp/ Rèn nghề 2	2	90	0	90	0
5	TKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
		Tổng cộng	14	435	83	345	7

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Đối với chương trình các môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng giảng dạy, cụ thể:

1. Môn Giáo dục quốc phòng - An ninh: Thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

2. Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”;

3. Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Môn Pháp Luật: Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

5. Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

6. Môn Anh Văn: Thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Anh Văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh doanh thương mại và dịch vụ trình độ trung cấp được thực hiện theo phương thức đào tạo lín chỉ. Chương trình có tổng số tín chỉ: 55 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

+ Các môn học chuyên môn: bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và kiến thức tự chọn.

+ Các kiến thức, kỹ năng bổ trợ, như: kỹ năng đàm phán, kỹ năng tìm việc, quản lý tài chính,... (theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành:

+ Được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ để đo khối lượng học tập của người học, thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập, mỗi năm học được chia làm 02 học kỳ (5 tháng/1 học kỳ).

+ Một lín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là

điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

+ Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

+ Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% - 45%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 55% - 75%.

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Các hoạt động xã hội, kỹ năng mềm được thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.

+ Các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm,...: Tổ chức giao lưu, sinh hoạt, tọa đàm trao đổi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, hoạt động câu lạc bộ chuyên ngành, tham quan trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp để tìm hiểu, định hướng về nghề nghiệp, tư vấn tuyển dụng làm việc,... được thực hiện vào đầu khóa học, giữa khóa và cuối khóa trước khi sinh viên tốt nghiệp; Tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh trong và ngoài tỉnh thực hiện vào đan xen trong khóa học; Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, cắm trại, hoạt động tình nguyện, hoạt động giao lưu với các đơn vị,... do Nhà trường, Đoàn trường, Hội sinh viên tổ chức.

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng xét tốt nghiệp xét đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Trung cấp với ngành/ngành được đào tạo, cụ thể:

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được đánh giá theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện Tin học, Ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể như sau:

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông, đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trở lên.

- Trường cấp bằng tốt nghiệp cho người học: Trình độ Trung cấp

9. Các chú ý khác

Chương trình này có giá trị sử dụng sau khi được thẩm định và có quyết định ban hành triển khai thực hiện kể từ ngày ký.

Cần Thơ, ngày 08 tháng 08 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Long